

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THÁI BÌNH DƯƠNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Minh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2015)
Ông Trần Tuấn Nam	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2015)
Ông Lê Mạnh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Thành viên
Ông Dương Quang Tạo	Thành viên
Ông Vũ Quang Đông	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Mạnh Tuấn	Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Quý	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26 tháng 02 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

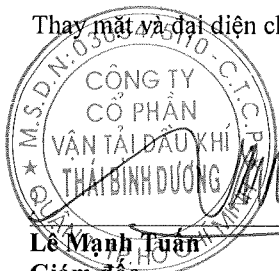
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Mạnh Tuấn
Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2016

Số: 578 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 19 tháng 3 năm 2016, từ trang 03 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 19 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Thành Xuân Thủy
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2260-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		828.356.431.327	850.136.179.765
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	273.190.223.808	197.033.770.377
1. Tiền	111		3.363.605.679	7.283.586.661
2. Các khoản tương đương tiền	112		269.826.618.129	189.750.183.716
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		151.341.695.000	414.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	151.341.695.000	414.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		390.924.494.237	188.929.111.307
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	341.917.344.461	156.486.306.287
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.982.618	1.880.585
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	129.005.167.158	112.440.924.435
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(80.000.000.000)	(80.000.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		5.386.624.021	21.696.192.859
1. Hàng tồn kho	141	10	5.386.624.021	21.696.192.859
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.513.394.261	28.477.105.222
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		483.978.137	2.463.588.851
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.029.416.124	19.870.508.127
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13a	-	6.143.008.244
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.488.411.086.727	2.280.660.973.702
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		390.000.000	390.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		390.000.000	390.000.000
II. Tài sản cố định	220		2.301.595.901.306	569.186.350.603
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.301.595.901.306	569.186.350.603
- Nguyên giá	222		2.857.015.936.531	982.639.129.633
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(555.420.035.225)	(413.452.779.030)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		65.000.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.000.000)	(65.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.530.090.932.848
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.530.090.932.848
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		180.000.000.000	180.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	180.000.000.000	180.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.425.185.421	993.690.251
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	6.425.185.421	993.690.251
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.316.767.518.054	3.130.797.153.467

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.352.098.932.918	2.182.024.947.544
I. Nợ ngắn hạn	310		588.108.738.272	387.441.133.059
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	256.573.087.818	69.831.019.682
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.958.812.239	1.257.096.248
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13b	2.241.273.563	507.964.136
4. Phải trả người lao động	314		2.261.496.575	1.921.206.983
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	17.348.372.867	8.304.062.718
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	10.653.678.688	1.270.240.140
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	287.404.520.204	259.137.381.553
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	-	42.018.826.595
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.667.496.318	3.193.335.004
II. Nợ dài hạn	330		1.763.990.194.646	1.794.583.814.485
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	1.753.752.526.646	1.794.583.814.485
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	10.237.668.000	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		964.668.585.136	948.772.205.923
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	964.668.585.136	948.772.205.923
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		942.750.280.000	942.750.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		942.750.280.000	942.750.280.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.401.849.150	5.401.849.150
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.874.782.311	1.874.782.311
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	421		14.641.673.675	(1.254.705.538)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(2.454.753.852)	(19.255.671.820)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		17.096.427.527	18.000.966.282
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.316.767.518.054	3.130.797.153.467


Võ Thị Hương
Người lập biểu

Nguyễn Thái Đạo
Kế toán trưởngLê Mạnh Tuấn
Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		940.286.630.436	750.761.098.224
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10	23	940.286.630.436	750.761.098.224
3. Giá vốn hàng bán	11	24	804.807.642.279	721.093.721.735
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		135.478.988.157	29.667.376.489
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	39.741.458.099	53.645.839.691
6. Chi phí tài chính	22	27	147.077.163.330	56.832.960.601
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		69.303.557.529	34.465.154.646
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	12.871.654.499	11.293.162.126
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		15.271.628.427	15.187.093.453
9. Thu nhập khác	31	29	8.476.408.801	3.237.362.440
10. Chi phí khác	32		90.926.608	70.734
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		8.385.482.193	3.237.291.706
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		23.657.110.620	18.424.385.159
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	6.560.683.093	423.418.877
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		17.096.427.527	18.000.966.282
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	<u>172</u>	<u>181</u>


Võ Thị Hương
Người lập biểu


Nguyễn Thái Đạo
Kế toán trưởngLê Mạnh Tuấn
Giám đốc
Ngày 19 tháng 3 năm 2016


CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**MẪU B 03a-DN**
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015		2014	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.657.110.620		18.424.385.159	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định	02	141.967.256.195		64.041.528.900	
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	75.509.396.506		20.030.325.949	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(39.493.342.499)		(46.143.916.401)	
Chi phí lãi vay	06	69.303.557.529		34.465.154.646	
3. Lợi nhuận từ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	270.943.978.351		90.817.478.253	
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(171.916.321.142)		97.165.445.432	
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	16.309.568.838		(11.709.109.474)	
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	31.221.518.126		(38.417.765.182)	
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(3.451.884.456)		37.093.232	
Tiền lãi vay đã trả	14	(70.501.347.450)		(34.465.154.646)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.105.374.017)		(802.526.498)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	68.500.138.250		102.625.461.117	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(192.898.238.565)		(419.556.909.744)	
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(221.341.695.000)		(680.135.333.333)	
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	484.000.000.000		612.135.333.333	
4. Thu lãi tiền gửi	27	25.943.173.915		69.310.206.250	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	95.703.240.350		(418.246.703.494)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền thu từ đi vay	33	150.463.681.755		221.378.118.066	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(238.519.931.719)		(206.120.724.418)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(88.056.249.964)		15.257.393.648	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	76.147.128.636		(300.363.848.729)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	197.033.770.377		497.230.243.612	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	9.324.795		167.375.494	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	273.190.223.808		197.033.770.377	


Võ Thị Hương
Người lập biểu


Nguyễn Thái Đạo
Kế toán trưởng



Ngày 19 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305475110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 7 năm 2009 và sửa đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 7 năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 01 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 21 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 16 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải dầu thô, đào tạo nghề, dịch vụ giới thiệu việc làm, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, lưu giữ hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, bốc xếp hàng hóa, bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, bán buôn chuyên doanh khác, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên, kinh doanh vận tải đa phương quốc tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính để có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm nay, như được trình bày tại Thuyết minh số 36.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

15110
C. TY
HẠN
DẦU K
: ĐUỒN
HỒ CH

C. T. I. N. H. M. C.
H. A. N.
T. U.
H. O. C. H. I. M. I. N. H.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chủ yếu là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

2015
Số năm

Phương tiện vận tải

15

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị khoản bảo lãnh vay, thiết bị văn phòng, chi phí sửa chữa văn phòng, vật tư phụ tùng xuất dùng trên tàu. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm tài chính theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và, ngoài ra, không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	173.681.589	46.660.574
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.189.924.090	7.236.926.087
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>269.826.618.129</u>	<u>189.750.183.716</u>
	<u>273.190.223.808</u>	<u>197.033.770.377</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại, với lãi suất hàng năm được hưởng từ 4,6% đến 4,9% (31 tháng 12 năm 2014: Các khoản tiền gửi có kỳ hạn một tháng với lãi suất hàng năm được hưởng là 4,9% đến 5,3%).

Ngoài ra, các khoản tương đương tiền còn bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương với số tiền là 175.749.937.629 đồng trong tài khoản đồng chủ sở hữu với Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất ("DQS"). Đây là tài khoản dùng để quản lý khoản tiền giải ngân cho dự án đóng tàu có trọng tải 105.000 DWT. Công ty đã chuyển khoản tiền giải ngân vào tài khoản này để cùng DQS quản lý và kiểm soát bằng cách chỉ được chuyển đến tài khoản của DQS khi có đầy đủ chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền theo pháp luật và đóng dấu của hai chủ tài khoản kèm theo hồ sơ giải ngân. Công ty được toàn quyền thụ hưởng và sử dụng toàn bộ số tiền lãi phát sinh trong suốt thời gian mở tài khoản đồng chủ tài khoản.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc <u>VND</u>	Giá trị ghi sổ <u>VND</u>	Giá gốc <u>VND</u>	Giá trị ghi sổ <u>VND</u>
1. Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	151.341.695.000	151.341.695.000	414.000.000.000	414.000.000.000
	<u>151.341.695.000</u>	<u>151.341.695.000</u>	<u>414.000.000.000</u>	<u>414.000.000.000</u>
2. Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (**)	180.000.000.000	180.000.000.000	180.000.000.000	180.000.000.000
	<u>180.000.000.000</u>	<u>180.000.000.000</u>	<u>180.000.000.000</u>	<u>180.000.000.000</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Việt Nam Đồng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và có thời gian thu hồi dưới 12 tháng với lãi suất hàng năm được hưởng là từ 5,5% đến 6,5% (31 tháng 12 năm 2014: từ 5,4% đến 7%).

(**) Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng là từ 7,2% đến 7,5% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: từ 7,2% đến 7,5%).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	339.066.200.567	143.037.814.412
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	2.799.766.185	13.448.491.875
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	18.600.709	-
b. Phải thu khách hàng là bên thứ ba		
- Các khoản phải thu khách hàng khác	32.777.000	-
	<u><u>341.917.344.461</u></u>	<u><u>156.486.306.287</u></u>

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Phải thu khác từ các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	23.003.200.000	23.003.200.000
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Quản lý tàu	2.030.815.933	925.603.892
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	577.197.876	187.449.285
b. Phải thu khác		
Thu tiền bồi thường (*)	80.000.000.000	80.000.000.000
Trích trước lãi tiền gửi ngân hàng	21.814.434.671	8.264.266.087
Phải thu người lao động	20.000.000	50.080.000
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	10.000.000
Phải thu khác	1.549.518.678	325.171
	<u><u>129.005.167.158</u></u>	<u><u>112.440.924.435</u></u>

(*) Thu tiền bồi thường thể hiện khoản phải thu liên quan tới hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhà Bè. Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 02/2015/HSPT ngày 07 tháng 01 năm 2015 của Tòa phúc thẩm (Tòa án nhân dân tối cao thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo cáo Huỳnh Thị Huyền Như và bị cáo Võ Anh Tuấn phải liên đới bồi thường cho Công ty số tiền này. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đã đánh giá khả năng thu hồi số tiền này là thấp và đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu này trong năm 2012.

9. NỢ XẤU

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 - Phải thu ngắn hạn khác, Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản phải thu khác liên quan tới hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhà Bè với số tiền là 80.000.000.000 đồng. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khả năng thu hồi số tiền này là thấp và đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu này trong năm 2012.

10. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nhiên liệu tồn trên tàu tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phí bảo lãnh các khoản vay	4.711.111.111	400.000.000
Công cụ, dụng cụ tàu Đại Hùng Queen	1.343.882.413	-
Sửa chữa văn phòng	370.191.897	593.690.251
	<u><u>6.425.185.421</u></u>	<u><u>993.690.251</u></u>

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	982.639.129.633
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.874.376.806.898
Tại ngày 31/12/2015	<u><u>2.857.015.936.531</u></u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	413.452.779.030
Khấu hao trong năm	141.967.256.195
Tại ngày 31/12/2015	<u><u>555.420.035.225</u></u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	<u><u>2.301.595.901.306</u></u>
Tại ngày 31/12/2014	<u><u>569.186.350.603</u></u>

Trong năm, dự án đóng mới tàu có tải trọng 105.000 DWT do Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất thực hiện đã hoàn thành. Công ty đã kết chuyển chi phí đầu tư xây dựng cơ bản con tàu này để ghi nhận tăng nguyên giá tài sản cố định với giá tạm tính là 1.874.376.806.898 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
 Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

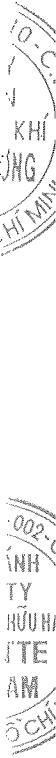
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	Số phải thu/phải trả	Số được hoàn	Số được cân trừ	Số đã thu/đã trả	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu						
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	2.336.511.158	-	2.336.511.158	-	-	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	2.986.058.997	-	2.986.058.997	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	379.107.621	-	-	379.107.621	-	-
Thuế khác	441.330.468	-	441.330.468	-	-	-
	6.143.008.244	-	5.763.900.623	379.107.621	-	-
b. Các khoản phải trả						
Thuế giá trị gia tăng	-	89.076.576.668	-	89.076.576.668	-	-
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	893.166.171	52.003.246	-	945.169.417	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	699.526.001	40.876.774	-	740.402.775	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	68.080.339	6.560.683.093	-	379.107.621	4.105.374.017	2.076.201.455
Thuế thu nhập cá nhân	439.883.797	460.587.288	-	-	413.226.630	115.440.997
Thuế nhà thầu	-	3.251.636.275	-	-	3.641.888.961	49.631.111
Thuế khác	-	1.239.875.700	70.387.950	-	1.310.263.650	-
	507.964.136	102.182.051.196	163.267.970	89.455.684.289	11.156.325.450	2.241.273.563



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a. Phải trả người bán là các bên liên quan		
Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	134.360.433.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Quản lý tàu	44.870.971.869	5.184.402.635
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	29.593.048.818	13.865.928.378
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	24.092.547.500	
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	13.694.657.527	13.668.590.879
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Hàng hải Dầu khí	614.539.002	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	403.925.588	-
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long	71.126.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	19.134.500	5.456.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	3.634.852.220
Công ty Bảo hiểm PVI phía Nam	-	1.521.221.035
b. Phải trả người bán là bên thứ ba		
GlobalTech Systems Engineering Pte. Ltd.	6.204.149.426	-
Det Norske Veritas AS	1.465.100.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng Nhiên liệu Tàu biển Vina	-	15.507.823.360
Teekay chartering Ltd. - Classic Aframax RSA	-	11.506.448.750
Nassau Energy Inc	-	1.533.054.183
Sinokor Tanker Co., Ltd.	-	1.479.722.414
Các đối tượng khác	1.183.454.588	1.923.519.828
	256.573.087.818	69.831.019.682

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí đóng và hoàn thiện tàu	7.506.733.049	-
Chi phí lãi vay	6.950.755.369	8.148.545.290
Chi phí lưu tàu	2.431.924.449	
Chi phí khác	458.960.000	155.517.428
	17.348.372.867	8.304.062.718

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a. Phải trả khác cho các bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	10.092.391.476	957.552.500
b. Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Cổ tức phải trả	304.182.400	304.182.400
Khoản phải trả khác	257.104.812	8.505.240
	10.653.678.688	1.270.240.140

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2014 VND	Chuyển từ vay dài hạn VND	Trong năm		Thanh toán VND	31/12/2015 VND
			Tăng do chênh lệch tỷ giá VND			
Ngân hàng Citibank Việt Nam	209.054.131.312	209.054.131.268	16.837.823.687		214.549.380.181	220.396.706.086
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	48.180.808.592	29.431.713.732	-		23.970.551.538	53.641.970.786
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	1.902.441.649	11.246.808.718	216.592.965		-	13.365.843.332
	259.137.381.553	249.732.653.718	17.054.416.652		238.519.931.719	287.404.520.204

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	Tăng VND	Trong năm		31/12/2015 VND
			Tăng do chênh lệch tỷ giá VND	Chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả VND	
Ngân hàng Citibank Việt Nam	1.231.325.556.685	-	55.464.679.770	209.054.131.268	1.077.736.105.187
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	530.916.749.759	65.702.265.248	-	27.529.272.083	569.089.742.924
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	32.341.508.041	84.761.416.507	2.973.004.354	13.149.250.367	106.926.678.535
	1.794.583.814.485	150.463.681.755	58.437.684.124	249.732.653.718	1.753.752.526.646

- Khoản vay từ Ngân hàng Citibank Việt Nam thông qua Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí ("Tổng Công ty") có tổng hạn mức là 9.936.854.077 Yên Nhật (tương đương 98.004.105 Đô la Mỹ) nhằm tài trợ cho dự án mua tàu Athena và đóng mới tàu dầu thô Aframax. Khoản vay này được đảm bảo bằng doanh thu về cước tàu của Công ty, phần vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí vào Công ty và bảo lãnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, chịu lãi suất 5,01%/năm đối với dự án mua tàu Athena và 5,1%/năm đối với dự án đóng tàu Aframax. Khoản vay sẽ được thanh toán trong 20 kỳ bán niên từ ngày 30 tháng 6 năm 2011 đến ngày 28 tháng 6 năm 2020.

- Khoản nợ từ bảo lãnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thông qua Tổng Công ty với số tiền là 627 tỷ đồng nhằm hỗ trợ cho Công ty thanh toán số tiền vay từ Ngân hàng Citibank Việt Nam đến hạn trả trong năm 2011. Khoản vay này không có đảm bảo, chịu lãi suất 2,5%/năm và sẽ được thanh toán trong 10 kỳ bắt đầu từ ngày 30 tháng 9 năm 2015.

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam với tổng hạn mức là 10 triệu Đô la Mỹ để thực hiện dự án chuyển đổi tàu chở dầu thô 105.000 DWT thành kho nổi. Khoản vay này không có đảm bảo, chịu lãi suất 3%/năm trong năm đầu tiên và đến hạn thanh toán trong vòng mười năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên (tại ngày 11 tháng 12 năm 2014). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã giải ngân với số tiền là 1.512.699 Đô la Mỹ.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	287.404.520.204	259.137.381.553
Trong năm thứ hai	295.388.695.853	272.016.823.781
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.099.437.248.631	838.521.486.587
Sau năm năm	358.926.582.162	684.045.504.117
	2.041.157.046.850	2.053.721.196.038
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	287.404.520.204	259.137.381.553
Số phải trả sau 12 tháng	1.753.752.526.646	1.794.583.814.485

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện các khoản chi phí trích trước để sửa chữa định kỳ tàu PVT Athena. Việc sửa chữa định kỳ theo kế hoạch sẽ được thực hiện trong năm 2017.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn cổ phần đã phát hành**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số lượng cổ phần được phép phát hành	94.275.028	94.275.028
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>942.750.280.000</u>	<u>942.750.280.000</u>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	94.275.028	94.275.028
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>942.750.280.000</u>	<u>942.750.280.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu <u>VND</u>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2014	942.750.280.000	5.401.849.150	1.874.782.311	(16.385.028.827)	933.641.882.634
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	18.000.966.282	18.000.966.282
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.870.642.993)	(2.870.642.993)
Tại ngày 31/12/2014	<u>942.750.280.000</u>	<u>5.401.849.150</u>	<u>1.874.782.311</u>	<u>(1.254.705.538)</u>	<u>948.772.205.923</u>
Tại ngày 01/01/2015	942.750.280.000	5.401.849.150	1.874.782.311	(1.254.705.538)	948.772.205.923
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	17.096.427.527	17.096.427.527
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(900.048.314)	(900.048.314)
Trích quỹ thưởng ban quản lý, điều hành (*)	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	<u>942.750.280.000</u>	<u>5.401.849.150</u>	<u>1.874.782.311</u>	<u>14.641.673.675</u>	<u>964.668.585.136</u>

(*) Số trích lập quỹ trong năm bao gồm số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Ban quản lý điều hành của Công ty với số tiền lần lượt là 900.048.314 đồng và 300.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-TBD/ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chi tiết các cổ đông sở hữu cổ phần tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2015 và 31/12/2014	
	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	612.000.000.000	65%
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại		
Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	120.000.000.000	13%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	95.503.470.000	10%
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	84.496.530.000	9%
Các cổ đông khác	30.750.280.000	3%
	942.750.280.000	100%

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài: Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.600.998.400 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.681.497.600 đồng) (xem Thuyết minh số 32).

Ngoại tệ các loại:	31/12/2015	31/12/2014
- Đô la Mỹ (USD)	11.303	180.440
- Yên Nhật (JPY)	100	100
- Đô la Singapore (SGD)	782	669

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương là cung cấp dịch vụ vận tải dầu thô, chủ yếu được thực hiện từ các mỏ dầu thô đến Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

23. DOANH THU THUẬN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ vận tải dầu thô	350.272.832.167	314.949.727.989
Doanh thu dịch vụ cho thuê tàu Đại Hùng Queen	161.471.395.944	-
Doanh thu dịch vụ quản lý tàu	428.542.402.325	435.811.370.235
	940.286.630.436	750.761.098.224
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan</i>		
<i>(Xem thuyết minh số 34)</i>	920.710.028.032	676.353.066.866

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn dịch vụ vận tải dầu thô	298.798.341.708	286.355.440.537
Giá vốn dịch vụ cho thuê tàu Đại Hùng Queen	79.336.582.937	-
Giá vốn dịch vụ quản lý tàu	426.672.717.634	434.738.281.198
	<u>804.807.642.279</u>	<u>721.093.721.735</u>

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	106.684.476.901	49.840.576.313
Chi phí nhân công	20.130.686.571	18.210.379.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	141.967.256.195	64.041.528.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.386.446.905	85.919.432.897
Chi phí khác bằng tiền	445.151.973.563	514.374.966.621
	<u>818.320.840.135</u>	<u>732.386.883.861</u>

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	39.493.342.499	46.143.916.401
Lãi chênh lệch tỷ giá	56.617.732	39.253.396
Doanh thu hoạt động tài chính khác	191.497.868	7.462.669.894
	<u>39.741.458.099</u>	<u>53.645.839.691</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	69.303.557.529	34.465.154.646
Lỗ chênh lệch tỷ giá	77.675.228.595	22.287.442.515
Chi phí tài chính khác	98.377.206	80.363.440
	<u>147.077.163.330</u>	<u>56.832.960.601</u>

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân công	4.893.594.711	2.967.885.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.502.743.930	1.691.009.503
Chi phí khác bằng tiền	6.475.315.858	6.634.267.477
	<u>12.871.654.499</u>	<u>11.293.162.126</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. THU NHẬP KHÁC**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chênh lệch do quyết toán công nợ	577.197.876	3.237.362.440
Thu nhập khác	7.899.210.925	-
	<u>8.476.408.801</u>	<u>3.237.362.440</u>

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.167.120.889	423.418.877
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	2.393.562.204	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>6.560.683.093</u>	<u>423.418.877</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	23.657.110.620	18.424.385.159
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(5.211.375.000)	(4.531.628.360)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	495.722.964	578.171.616
Thu nhập chịu thuế	<u>18.941.458.584</u>	<u>14.470.928.415</u>
Lỗi năm trước mang sang	-	(12.546.297.156)
Thu nhập chịu thuế điều chỉnh	<u>18.941.458.584</u>	<u>1.924.631.259</u>
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>4.167.120.889</u>	<u>423.418.877</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể nào giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty như sau:

	2015	2014
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	17.096.427.527	18.000.966.282
Loại trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	<u>(854.821.376)</u>	<u>(900.048.314)</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	16.241.606.151	17.100.917.968
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phần)	94.275.028	94.275.028
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>172</u>	<u>181</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Công ty loại trừ số lợi nhuận phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi theo quy định của Thông tư 200.

	Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu VND	Số cổ phần phổ thông bình quần gia quyền Cổ phiếu VND	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	18.000.966.282	94.275.028	191
Điều chỉnh ảnh hưởng của việc loại trừ quỹ khen thưởng phúc lợi theo Thông tư 200	(900.048.314)	-	-
Số liệu trình bày lại	<u>17.100.917.968</u>	<u>94.275.028</u>	<u>181</u>

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>2.183.020.533</u>	<u>1.534.931.000</u>
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	1.920.499.200	1.560.499.200
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.680.499.200	3.120.998.400
	<u>3.600.998.400</u>	<u>4.681.497.600</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê Công ty phải thanh toán cho việc thuê văn phòng Công ty và thuê xe. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 3,5 năm tính từ ngày 15 tháng 6 năm 2014. Hợp đồng thuê xe được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 08 tháng 4 năm 2015.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18 trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	2.041.157.046.850	2.053.721.196.038
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	273.190.223.808	197.033.770.377
Nợ thuần	1.767.966.823.042	1.856.687.425.661
Vốn chủ sở hữu	964.668.585.136	948.772.205.923
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>1,83</u>	<u>1,96</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	273.190.223.808	197.033.770.377
Đầu tư tài chính	331.341.695.000	594.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	391.292.511.619	189.267.150.722
	<u>995.824.430.427</u>	<u>980.300.921.099</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.041.157.046.850	2.053.721.196.038
Phải trả người bán và phải trả khác	267.226.766.506	71.101.259.822
Chi phí phải trả	17.348.372.867	8.304.062.718
	<u>2.325.732.186.223</u>	<u>2.133.126.518.578</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	253.563.354	3.857.618.816	1.442.447.995.433	2.068.312.737.097
Yên Nhật (JPY)	18.518	27.543	-	-
Đô la Singapore (SGN)	12.957.943	11.086.438	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Dưới đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng với số tiền là 43.265.832.962 đồng (năm 2014: lợi nhuận kế toán trước thuế giảm/tăng với số tiền là 61.933.653.548 đồng).

Phân tích độ nhạy đối với đồng Yên Nhật và đồng Đô la Singapore cho thấy không có ảnh hưởng trọng yếu.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của khoản vay của Công ty đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất thả nổi của khoản vay này tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty trong năm sẽ giảm/tăng với số tiền là 20.411.570.469 đồng (năm 2014: lợi nhuận trước thuế giảm/tăng 20.537.211.960 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Giám đốc đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 - 5 năm <u>VND</u>	Sau 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	273.190.223.808	-	-	273.190.223.808
Đầu tư tài chính	151.341.695.000	180.000.000.000	-	331.341.695.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	390.902.511.619	390.000.000	-	391.292.511.619
	815.434.430.427	180.390.000.000	-	995.824.430.427
Các khoản vay	287.404.520.204	1.394.825.944.484	358.926.582.162	2.041.157.046.850
Phải trả người bán và phải	267.226.766.506	-	-	267.226.766.506
Chi phí phải trả	17.348.372.867	-	-	17.348.372.867
	571.979.659.577	1.394.825.944.484	358.926.582.162	2.325.732.186.223
Chênh lệch thanh khoản thuần	243.454.770.850	(1.214.435.944.484)	(358.926.582.162)	(1.329.907.755.796)
31/12/2014	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 - 5 năm <u>VND</u>	Sau 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	197.033.770.377	-	-	197.033.770.377
Đầu tư tài chính	414.000.000.000	180.000.000.000	-	594.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	188.877.150.722	390.000.000	-	189.267.150.722
	799.910.921.099	180.390.000.000	-	980.300.921.099
Các khoản vay	259.137.381.553	1.110.538.310.368	684.045.504.117	2.053.721.196.038
Phải thu khách hàng và phải thu khác	71.101.259.822	-	-	71.101.259.822
Chi phí phải trả	8.304.062.718	-	-	8.304.062.718
	338.542.704.093	1.110.538.310.368	684.045.504.117	2.133.126.518.578
Chênh lệch thanh khoản thuần	461.368.217.006	(930.148.310.368)	(684.045.504.117)	(1.152.825.597.479)

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức có thể kiểm soát được và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Cùng công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Cùng công ty mẹ
Công ty Dịch vụ Quản lý tàu	
Công ty TNHH MTV Lọc hoá Dầu Bình Sơn	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Bảo hiểm PVI Bến Thành	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	842.082.551.204	663.193.701.241
Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Bình Sơn	<u>78.627.476.828</u>	<u>13.159.365.625</u>
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	226.233.262.863	300.212.199.193
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	173.906.748.275	180.242.785.554
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	109.402.772.019	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	105.490.102.355	49.596.533.363
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Quản lý tàu	93.593.005.148	36.541.288.711
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	92.771.835.313	75.859.753.923
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	9.651.718.938	6.269.804.817
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	6.357.644.552	171.728.299.493
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ hàng hải Dầu khí	6.556.604.307	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	5.588.597.506	5.501.696.432
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	4.725.733.682	24.411.645.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	1.777.610.603	1.378.921.541
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	<u>87.435.660</u>	<u>43.040.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Chi phí lãi vay		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	<u>50.513.094.951</u>	<u>93.742.302.245</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Lương	1.092.727.502	1.106.494.444
Thù lao	<u>123.000.000</u>	<u>190.000.000</u>

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu từ cho vay và lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 21.814.434.672 đồng (2014: 8.264.266.087 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 6.950.755.369 đồng (2014: 8.148.545.290 đồng), là số tiền lãi phát sinh trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 143.880.902.436 đồng (2014: 0 đồng), là số tiền phát sinh trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo


36. SỐ LIỆU SO SÁNH


Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	
		<u>VND</u>			<u>VND</u>	
I. Tài sản			I. Tài sản			
1. Đầu tư ngắn hạn	121	414.000.000.000	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	414.000.000.000	Đổi tên
2. Các khoản phải thu khác	135	112.380.844.435	2. Phải thu ngắn hạn khác	136	112.440.924.435	Phân loại lại và đổi tên
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	60.080.000	3. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	- Phân loại lại
4. Phải thu dài hạn khác	218	-	4. Phải thu dài hạn khác	216	390.000.000	Phân loại lại và đổi tên
5. Đầu tư dài hạn khác	258	180.000.000.000	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	180.000.000.000	Phân loại lại và đổi tên
6. Tài sản dài hạn khác	268	390.000.000	6. Tài sản dài hạn khác	268	-	- Phân loại lại
II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn			
1. Chi phí phải trả	316	50.322.889.313	1. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	8.304.062.718	Phân loại lại và đổi tên
2. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	2. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	42.018.826.595	Phân loại lại
3. Vốn cổ phần	411	942.750.280.000	8. Vốn góp của chủ sở hữu	411	942.750.280.000	Đổi tên
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	-	7. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.401.849.150	Phân loại lại
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.401.849.150	<i>Trình bày vào chỉ tiêu "quỹ đầu tư phát triển"</i>			Phân loại lại

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	Mã số	2014	Chỉ tiêu	Mã số	2014	
		<u>VND</u>			<u>VND</u>	
1. Thay đổi các khoản phải thu	09	97.379.709.432	1. (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	97.165.445.432	Phân loại lại
2. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(214.264.000)	2. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	- Phân loại lại


Võ Thị Hương
Người lập biểu


Nguyễn Thái Đạo
Kế toán trưởng



Lê Mạnh Tuấn
Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2016